

TCVN 7373 : 2004

**CHẤT LƯỢNG ĐẤT – GIÁ TRỊ CHỈ THỊ VỀ
HÀM LƯỢNG NITƠ TỔNG SỐ TRONG ĐẤT VIỆT NAM**

Soils quality – Index values of total Nitrogen content in the soils of Vietnam

HÀ NỘI 2004

Lời nói đầu

TCVN 7373: 2004 do Ban Kỹ thuật Tiêu chuẩn TCVN/TC190 "*Chất lượng đất*" biên soạn, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng đề nghị, Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành.

Chất lượng đất – Giá trị chỉ thị về hàm lượng nitơ tổng số trong đất Việt Nam

Soils quality – Index values of total Nitrogen content in the soils of Vietnam

1 Phạm vi áp dụng

1.1 Tiêu chuẩn này quy định khoảng giá trị chỉ thị của hàm lượng nitơ tổng số (N%) trong một số nhóm đất chính của Việt Nam. Chỉ thị này làm cơ sở cho việc sử dụng đất, sử dụng phân bón một cách hiệu quả và hợp lý, nhằm bảo vệ chất lượng môi trường đất và phòng tránh ô nhiễm nước.

1.2 Tiêu chuẩn này được áp dụng để đánh giá chất lượng đất nói chung và đánh giá mức độ suy giảm và làm giàu dinh dưỡng của đất qua đó có thể xác định nguồn phát tán nitơ vào môi trường đất từ phân bón hoặc chất thải,...v.v.

2 Tiêu chuẩn viện dẫn

TCVN 4046: 1985 Đất trồng trọt - Phương pháp lấy mẫu.

TCVN 4051: 1985 Đất trồng trọt - Phương pháp xác định tổng số nitơ.

TCVN 5297:1995 Chất lượng đất - Lấy mẫu. Yêu cầu chung.

TCVN 6498:1999 (ISO 11261:1995) Chất lượng đất - Xác định nitơ tổng. Phương pháp Kjedahl (Kjedahl) cải biên.

TCVN 6645:2000 (ISO 13878:1998) Chất lượng đất. Xác định hàm lượng nitơ tổng số bằng đốt khô ("phân tích nguyên tố").

TCVN 6647: 2000 (ISO 11464:1994) Chất lượng đất - Xử lý sơ bộ đất để phân tích lý-hoá.

3 Thuật ngữ định nghĩa

Trong tiêu chuẩn này sử dụng các thuật ngữ và được hiểu như sau:

3.1 Giá trị chỉ thị (Index value)

Là khoảng giá trị hàm lượng tổng số của nguyên tố nitơ thường gặp trong một số nhóm đất chính

3.2 Giá trị trung bình

Là giá trị trung bình cộng của tất cả các mẫu tham chiếu, tính theo công thức:

$$\text{Giá trị trung bình} = \frac{\text{Tổng các giá trị}}{\text{Tổng số mẫu}}$$

4 Giá trị chỉ thị

Giá trị chỉ thị của hàm lượng nitơ (N %) trong 6 nhóm đất chính của Việt nam được đưa ra trong bảng 1.

Phương pháp lấy mẫu và phương pháp xác định áp dụng theo các TCVN hiện hành như nêu trong điều 2 của tiêu chuẩn này.

Bảng 1 - Khoảng giá trị chỉ thị của Nitơ tổng số trong 6 nhóm đất chính của Việt Nam

Nhóm đất	Ni tơ tổng số (N %)	
	Khoảng giá trị	Trung bình
1. Đất đỏ	Từ 0,065 đến 0,530	0,177
2. Đất phù sa	Từ 0,095 đến 0,270	0,141
3. Đất xám bạc màu	Từ 0,030 đến 0,121	0,072
4. Đất phèn	Từ 0,145 đến 0,420	0,293
5. Đất mặn	Từ 0,045 đến 0,205	0,156
6. Đất cát ven biển	Vết đến 0,120	0,068